TRIẾT LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

DƯƠNG VĂN SÁU

Tóm tắt

Đào tạo đại học là cấp đào tạo căn bản, đặc biệt quan trọng cho sự phát triển của một đất nước. Tuy nhiên, ở Việt Nam, cấp độ đào tạo này đang gặp phải những khó khăn, trước hết là thiếu triết lý đào tạo. Triết lý đào tạo được con người tổng kết và rút ra từ những tư tưởng chủ đạo như là những nguyên tắc về đạo lý và phương pháp quản lý để dẫn dắt hoạt động đào tạo. Nó bắt nguồn từ yêu cầu của thực tiễn cuộc sống. Triết lý đào tạo thường thể hiện các quan điểm hành động, liên quan đến các cơ quan chức năng làm nhiệm vụ quản lý, các cơ sở giáo dục đào tạo trong cả nước. Trong bài viết này, chúng tôi muốn trình bày quan điểm của mình về "Triết lý đào tạo đại học" hiện nay để từ đó có thể góp thêm một tiếng nói trong quá trình "nhận diện thương hiệu" của đào tạo đại học Việt Nam.

Từ khóa: Triết lý đào tạo, đào tạo đại học ở Việt Nam

Abstract

Higher education training is the basic level of education, especially important for the development of a country. However, in Vietnam, this level of training is facing difficulties, first of all the lack of training philosophy. The training philosophy is summed up and drawn from the main ideas as ethical principles and management methods to lead the training activity. It derives from the requirements of real life. Training philosophy often expresses the views of action, related to the functional agencies in charge of management, the education and training institutions throughout the country. In this article, we would like to present our views on the current "higher education training philosophy" so that it can contribute a voice in the process of "brand identity" of Vietnamese higher education.

Keywords: Training philosophy, higher education training in Vietnam

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia văn hiến, có lịch sử phát triển rực rỡ mấy nghìn năm. Ngay từ thế kỷ XV, sau khi đánh đuổi quân Minh, giành lại độc lập cho đất nước, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi đã khẳng định trong "Bình Ngô đại cáo": 唯，我大越之國，實為文献之邦... *Duy, ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang*... (*Như nước Đại Việt ta, thực là một nước văn hiến*...). Một trong những nhân tố đặc biệt quan trọng góp phần làm nên văn hiến Việt Nam chính là nền giáo dục - đào tạo (GD - ĐT). Cơ sở GD - ĐT đỉnh cao dưới thời phong kiến là Văn miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội). Đây là nơi được mệnh danh là trường Đại học đầu tiên của đất nước để rồi sau đó, theo dòng lịch sử, hệ thống các trường đại học ở Việt Nam đã phát triển với qui mô ngày càng to lớn như ngày nay. Văn miếu - Quốc Tử Giám cũng chính là một phần bộ mặt cũng như nội hàm của nền văn hiến đó.

Với truyền thống "*tôn sư trọng đạo*", trọng người hiền tài; hơn 500 năm về trước, vâng mệnh vua *Lê Thánh Tông (vị minh quân "*võ công văn trị" nổi tiếng trong lịch sử dân tộc),

Thân Nhân Trung (Hàn lâm viện Thừa chỉ, Đông các Đại học sĩ, Quốc tử giám Tế tửu, Lễ bộ Thượng thư, Lại bộ Thượng thư) đã viết trên tấm bia tiến sĩ đầu tiên tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám như sau: "*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế, minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý trọng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng...*" (5, tr.146). Như vậy, trước đây, việc trọng người hiền tài (trọng người tài - đức) đã trở thành nền móng để xây dựng quốc gia phát triển hùng cường. Thực tế cho thấy, bất cứ một quốc gia, dân tộc nào muốn phát triển, đều phải chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng nhân tài. Trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa-hiện đại hóa (CNH - HĐH) ở nước ta, sự nghiệp GD - ĐT, đặc biệt là đào tạo đại học (ĐTĐH) càng có vai trò to lớn hơn bao giờ hết. Những năm qua, cũng như nhiều quốc gia Á Đông khác, ĐTĐH Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đây là bậc đào tạo có mối liên quan, xâu chuỗi và kết nối mối quan hệ giữa người được đào tạo và người lao động, giữa "thày và thợ". Chính vì nhận thức được như vậy, nhiều năm trở lại đây, ĐTĐH Việt Nam đã được quan tâm đầu tư và phát triển mạnh mẽ trên tất cả các ngành nghề, cả về số lượng và chất lượng. Dù đã đạt được nhiều thành tích to lớn nhưng ĐTĐH Việt Nam vẫn còn *bộc lộ khá nhiều hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ cũng như kỳ vọng phát triển đối với tương lai của đất nước.*

Đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ trong tiến trình CNH - HĐH, đang biến đổi và phát triển không ngừng trong quá trình hội nhập, đòi hỏi rất lớn nguồn nhân lực chất lượng cao. Do vậy, ĐTĐH ở Việt Nam hiện nay đang đứng trước những thay đổi to lớn và mạnh mẽ trên nhiều bình diện của đất nước. Điều đó cũng có nghĩa là ĐTĐH Việt Nam đang đứng trước những thời cơ thuận lợi và cả những thách thức to lớn. Mặc dù ĐTĐH đã được bàn đến rất nhiều trên sách báo cũng như trong dư luận như một điệp khúc kéo dài nhưng cho đến nay vẫn còn là vấn đề thời sự. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn dành tâm huyết của mình để trình bày quan điểm cá nhân về "Triết lý ĐTĐH", từ đó có thể góp thêm một tiếng nói trong quá trình "nhận diện thương hiệu" của ĐTĐH Việt Nam.

2. Triết lý đào tạo là gì?

Những hạn chế của ĐTĐH ở Việt Nam hiện nay thể hiện trên nhiều lĩnh vực, trong đó đầu tiên phải kể đến hạn chế lớn nhất là *thiếu triết lý đào tạo* (TLĐT). TLĐT chính là những giá trị cốt lõi được xâu chuỗi, kết nối và đúc rút từ thực tế đào tạo, tương ứng với các thể chế kinh tế, chính trị - xã hội trong những không gian và thời gian nhất định. TLĐT là những luận điểm căn cốt về đào tạo, là sự cụ thể hoá phương châm đào tạo, là mục tiêu chính cần phải đạt được trong quá trình đào tạo. Tóm lại, TLĐT là sự định hướng căn bản nhất, xâu chuỗi và kết nối tiến trình đào tạo để đạt được mục đích đào tạo. Trong nền giáo dục cách mạng Việt Nam, từ mấy chục năm qua, chúng ta luôn nhắc rất nhiều đến câu nói bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*". Nội dung câu nói của Bác như một chiến lược giáo dục và đào tạo. Có thể coi đây chính là TLĐT xuyên suốt của nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, TLĐT này cần phải được cụ thể hóa để biến thành hành động/hoạt động trên các lĩnh vực đào tạo. TLĐT luôn phải là sợi dây gắn kết đường lối chính sách phát triển giáo dục, các cơ chế, biện pháp của các cơ sở đào tạo với thị trường, nơi mà các doanh nghiệp sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo ra.

Từ thực tiễn cuộc sống, bằng nhận thức của mình, chúng tôi đưa ra khái niệm TLĐT như sau: "*TLĐT là tư tưởng mang tính triết học về đào tạo, phản ánh thực tiễn và định hướng phát*

triển sự nghiệp đào tạo của một đất nước. Nó được hình thành thông qua sự trải nghiệm, suy ngẫm, đúc rút, khái quát hóa những nội dung có liên quan trong quá trình điều tiết sự vận hành bộ máy đào tạo của các chủ thể quản lý trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các nhà khoa học cũng như dư luận xã hội; để rồi trở lại định hướng, điều tiết hoạt động giáo dục đào tạo trong những không gian và thời gian nhất định". TLĐT bắt nguồn từ thực tiễn cuộc sống, từ yêu cầu của cuộc sống. Nó cũng bắt nguồn từ quá trình đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ và sản xuất - kinh doanh… TLĐT được coi là tư tưởng chủ đạo của những nguyên tắc về đạo lý và phương pháp quản lý để dẫn dắt hành vi của các cá nhân và tổ chức trong quá trình đào tạo. TLĐT thường thể hiện qua lý do tồn tại của hoạt động đào tạo và các quan điểm hành động, liên quan đến các cơ quan chức năng làm nhiệm vụ quản lý các cơ sở đào tạo trong cả nước.

3. Tại sao phải thay đổi TLĐT trong lĩnh vực ĐTĐH?

Việc thiếu TLĐT là một hạn chế lớn, gây khó khăn cho toàn bộ nền GD-ĐT Việt Nam chứ không chỉ cho ĐTĐH. Với ĐTĐH, do ảnh hưởng của truyền thống, những năm sau khi đất nước thống nhất, chúng ta vẫn duy trì những hình thức tuyển sinh để chọn lọc người tài thông qua các kỳ thi. Những người được tuyển chọn vào học ở bậc đại học về cơ bản có chất lượng cao hơn so với mặt bằng chung trong xã hội. Tuy nhiên, những năm gần đây, do áp lực của yêu cầu phát triển (đất nước cần rất nhiều nhân lực cho các vị trí khác nhau trong xã hội); bên cạnh đó là trình độ quản lý chưa cao, bộ máy quản lý chưa mạnh (đã tạo ra sự mất cân đối cung - cầu trong đào tạo); cùng với nhiều nguyên nhân sâu xa nữa… khiến cho ĐTĐH ở Việt Nam có sự dịch chuyển từ đào tạo tinh hoa, đỉnh cao xuống đào tạo phổ cập, đại trà. Nhận thức của nhiều người đối với ĐTĐH cũng đã có sự chuyển đổi theo hướng như vậy. Đây chính là nguyên nhân khiến cho quá trình ĐTĐH không có định hướng đúng, không bảo đảm được tính chuyên sâu và nâng cao; không có bước đi thích hợp. Chất lượng ĐTĐH ở mặt bằng chung toàn xã hội cũng vì thế mà xuống cấp nghiêm trọng.

Nền giáo dục cách mạng Việt Nam vốn chịu ảnh hưởng lớn của hệ thống GD - ĐT Khổng giáo phương Đông. Đó là nền giáo dục thiên về kiến thức ("tầm chương trích cú"), tìm lại quá khứ, học từ quá khứ là chính. Thày để dạy, trò để học; trong quá trình dạy thì thày chuyển giao tri thức, hiểu biết của mình cho trò, còn đối với học trò thì thu nhận là chính, phải "sôi kinh, nấu sử", thuộc lòng những kiến thức mà thày truyền cho. Đương nhiên, qua sự trao truyền này, tất yếu, tri thức sẽ rơi rụng, không thể nguyên vẹn. Khi thày truyền đạt hết kiến thức thì cũng có nghĩa là một quá trình giáo dục bị gián đoạn, phải chuyển sang quá trình khác. Có giai thoại rằng, một ông thày kia nói với học trò: "Ta có 3 bồ chữ, đã truyền cho các con cả rồi. Các con hãy nhận lấy mà đi đi, tìm chỗ khác, người khác mà học, mà làm…".

Trật tự Nho giáo trong nhiều trường hợp đã thể hiện qua quan niệm cổ hủ: Trò không được hơn thầy. Điều đó đã chi phối, ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Kết quả là, sự phát triển nhận thức của xã hội cầm chừng, thậm chí có lúc còn có xu hướng thụt lùi, người dạy không phát huy được sự năng động sáng tạo của người học. Trong khung cảnh ấy, muốn kết quả đào tạo được tốt, người dạy luôn áp dụng phương cách: "Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn"; "Tiên học lễ, hậu học văn"… Nền giáo dục như vậy sẽ liên quan tới việc có thày giỏi thì mới có trò giỏi; thày thế nào thì trò thế ấy; người học luôn bị áp chế bởi "cái trần" bằng xương bằng thịt của người thày, khó có thể "vượt trần", khó có thể sáng tạo.

Tuy nhiên, dù sao, lịch sử Việt Nam vẫn là lịch sử của sự phát triển. Công bằng mà nói, sự nghiệp GD-ĐT truyền thống đã góp một phần

rất lớn vào quá trình kiến tạo xã hội, vào việc tài bồi nền văn hiến nước nhà. Để có được một Việt Nam như hôm nay, công lao của các nhà giáo dục trước đây là rất lớn.

Một vấn đề nữa, chúng ta cần xem xét là: những thành tựu to lớn của nền giáo dục phong kiến chủ yếu nằm trong lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, chưa có thành tựu về khoa học tự nhiên hay kỹ thuật, công nghệ. Do vậy, việc chỉ có chuyển giao tri thức, khi đó, có thể đáp ứng được yêu cầu xã hội; nhưng với quá trình phát triển hiện nay, yêu cầu của GD-ĐT đã khác trước. Truyền thống cũ hoàn toàn không thể đáp ứng được những đòi hỏi mới của đất nước.

Quá trình hội nhập, CNH-HĐH đất nước đã và đang đặt ra cho sự nghiệp GD-ĐT nhiệm vụ hết sức nặng nề. Đảng và Nhà nước ta cũng đã có nhiều chủ trương, đường lối, chính sách để phát triển sự nghiệp GD-ĐT nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những nghị quyết của Đảng luôn xác định GD-ĐT là nhiệm vụ hàng đầu, khoa học công nghệ là then chốt. Phương châm, mục tiêu của GD-ĐT Việt Nam là: "Nâng cao dân trí - đào tạo nhân lực - bồi dưỡng nhân tài". Mặc dù đã đạt được nhiều thành tích to lớn nhưng thực trạng ĐTĐH Việt Nam đang đứng trước những khó khăn, thử thách to lớn sau đây:

Thứ nhất, hệ thống ĐTĐH ở nước ta còn bị khép kín, thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức đào tạo, còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành.

Thứ hai, chưa gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, với sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường, dẫn đến tình trạng thừa thầy, thiếu thợ. Hiện nay, toàn quốc có hơn 70.000 cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ tốt nghiệp ra trường, nhưng không tìm được việc làm, hoặc có việc làm nhưng không đúng nghề đào tạo; nhiều người được tuyển chọn phải đào tạo lại mới sử dụng được.

Thứ ba, chưa chú trọng đúng mức đến giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống và kỹ năng, phương pháp làm việc.

Thứ tư, phương pháp đào tạo còn lạc hậu, chủ yếu truyền thụ kiến thức một chiều; tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả còn thiếu thực chất, mắc bệnh thành tích.

Thứ năm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu.

Thứ sáu, cơ chế, chính sách, đầu tư cho giáo dục, đào tạo chưa phù hợp; cơ sở vật chất - kỹ thuật thiếu đồng bộ, còn lạc hậu…(6).

Tóm lại, *chất lượng, hiệu quả ĐTĐH ở nước ta còn thấp so với yêu cầu của công cuộc đổi mới*.

Những nhận xét thẳng thắn trên đây nhằm hướng tới một sự thôi thúc rằng: ĐTĐH Việt Nam nhất thiết phải có những chuyển biến, thay đổi căn bản, nhanh chóng để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Sự thay đổi đó, trước hết là thay đổi TLĐT đại học.

Nhìn từ góc độ đổi mới, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, theo chúng tôi, TLĐT đại học hiện nay cần phải là: "**Thay đổi tư duy - khơi nguồn sáng tạo**". Để thực hiện được triết lý này, cần *đổi mới căn bản phương cách đào tạo đại học, thay đổi nội dung và phương pháp đào tạo từ quá trình chuyển giao tri thức sang quá trình phát triển năng lực người học*. TLĐT đại học ở đây là triết lý hành động, biến những mong muốn, yêu cầu đổi mới sự nghiệp đào tạo đại học thành nhiệm vụ, giải pháp cụ thể. Cái đích của sự nghiệp đào tạo đại học Việt Nam là đào tạo ra đội ngũ nhân lực trình độ đại học *có tư duy mới, có óc sáng tạo và năng lực hành động* tương ứng với những ngành nghề cụ thể. Người được đào tạo sẽ trở thành một mẫu hình hành động đạt chuẩn nghề nghiệp thay vì một "cái kho" chứa kiến thức thuần tuý. Quá trình đào tạo phải là quá trình tích hợp được hệ thống tri thức của nhân loại để phát triển thành những kỹ năng nghề nghiệp mới nhằm nâng cao năng lực sáng tạo của người học.

4. Những giải pháp căn bản để thực hiện TLĐT đại học

Từ yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và quá trình CNH-HĐH đất nước, Đảng ta không ngừng quan tâm đến GD-ĐT. Nghị quyết số 29 của Hội nghị Trung ương 8, khóa XI, khẳng định: Đây không chỉ là *quốc sách hàng đầu,* là "chìa khóa" mở ra con đường đưa đất nước tiến lên phía trước mà còn là "mệnh lệnh" của cuộc sống. Kế thừa nghị quyết của đại hội XI, trong Văn kiện đại hội XII, Đảng cũng đã đưa ra đường lối đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, phát triển nguồn nhân lực; xác định đây là *quốc sách hàng đầu*, tiêu điểm của sự phát triển, mang tính đột phá, khai mở con đường phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong thế kỷ XXI, khẳng định triết lý nhân sinh mới của nền giáo dục nước nhà "dạy người, dạy chữ, dạy nghề". Để cụ thể hoá điều này, trong khuôn khổ của việc nói về TLĐT dưới đây, chúng tôi cho rằng, đối với ĐTĐH Việt Nam hiện nay, cần thiết phải chuyển đổi quan niệm và hành động. Trong quan niệm của những người thày, cần có sự đồng thuận để hành động hướng tới mục tiêu như cố Giáo sư sử học Trần Quốc Vượng đã nói: "Trò hơn thầy, phúc nước càng dầy!". Trong ĐTĐH, phải có những giải pháp cụ thể để chuyển hướng mô hình đào tạo: từ mô hình truyền thống: "Chuyển giao tri thức" cho người học, sang mô hình mới: "Phát triển năng lực (NL)" của người học. Sở dĩ chúng ta phải quyết liệt chuyển đổi mô hình đào tạo vì trong nền công nghiệp 4.0 hiện nay, khoa học công nghệ hiện đại phát triển như vũ bão, tri thức xã hội và tri thức của mỗi cá nhân cũng thay đổi không ngừng. Do vậy ĐTĐH phải kết hợp cả "chuyển giao tri thức" và " phát triển NL", trong đó "phát triển NL" giữ vai trò quyết định. NL là phẩm chất, trình độ của mỗi người để có thể giải quyết được những yêu cầu đặt ra từ cuộc sống. Đất nước luôn phát triển không ngừng, cho nên NL của mỗi cá nhân cũng cần được phát triển theo nhằm làm tăng khả năng giải quyết của toàn xã hội trước những vấn đề đặt ra của cuộc sống. Với mỗi con người, NL là có hạn song đối với toàn xã hội, khả năng giải quyết vấn đề thì vô hạn. NL của mỗi người được tăng lên sẽ làm tăng khả năng giải quyết các vấn đề của xã hội. Chất lượng cuộc sống, vì thế cũng sẽ tăng lên không ngừng. Vấn đề quan trọng, giữ yếu tố quyết định, là làm thế nào để phát triển cái vô hạn ấy trong quá trình ĐTĐH?

Muốn phát triển NL cá nhân, cần phải tiến hành đồng bộ các giải pháp. Trước hết cần kiểm tra, phân loại NL, đánh giá khả năng phát triển NL, thiên hướng NL, xác định lộ trình với những phương pháp phù hợp đối với việc phát triển NL của mỗi cá nhân cụ thể để từ đó từng bước thực hiện. Kiểm tra, đánh giá NL là công việc đầu tiên giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo. Nếu không đánh giá đúng NL, chúng ta sẽ không có giải pháp thích hợp cho sự phát triển NL của người học. Muốn đánh giá NL người học, cơ sở đào tạo cần phải tổ chức các cuộc kiểm tra mà nội dung kiểm tra phải bao gồm cả *hiểu biết – tư duy – kỹ năng* của người học. Để làm được điều này, cơ sở đào tạo có thể áp dụng các hình thức thi trắc nghiệm, thi tự luận và thi thực hành mà nội dung của các môn thi luôn gắn với các vấn đề của thực tế xã hội.

Sau khi đánh giá, phân loại, các đối tượng cần được phân chia theo các lớp chuyên ngành sao cho các học viên có NL tương thích sẽ được ghép học chung với nhau trong môi trường đồng nhất. Trong quá trình ĐTĐH, các nội dung truyền tải của giáo viên phải được phát triển từ thấp đến cao qua ba giai đoạn: *Chuyển tải kiến thức – Phát triển kỹ năng – Định hướng và phát triển NL sáng tạo.* Để làm tốt điều này, người thày cần phải tạo ra môi trường tự do sáng tạo cho trò. Thay vì ấn định những "khuôn vàng thước ngọc", giáo viên trao cho người học những dữ liệu, khuyến khích, gợi mở sự sáng tạo của người học; đánh giá nhận xét một cách khách quan, chỉ ra cái được và chưa được của người học; khen ngợi/khen

thưởng và tiếp tục yêu cầu phát triển sáng tạo tiếp đối với người học lên những đỉnh cao/tầm cao mới.

Muốn phát triển NL, cần rèn luyện NL tư duy cũng như rèn luyện NL hành động của người học thông qua các tình huống giả thuyết; đồng thời nhất thiết phải bổ sung công cụ, phương tiện, trang thiết bị vật chất kỹ thuật để đẩy nhanh thực nghiệm; đưa các ý tưởng sáng tạo vào kiểm chứng bằng thực nghiệm chứ không chỉ dừng lại ở lý thuyết. Mọi ý tưởng sẽ càng được nâng cao khi nó trở thành hiện thực. Khi được kiểm chứng bằng hiện thực, trở thành hiện thực, ý tưởng sẽ là công cụ hữu hiệu nhất để thúc đẩy sự phát triển NL tư duy và NL hành động tiếp theo. Tóm lại, muốn phát triển NL, người học cần có "ý tưởng" và "ý chí": Ý tưởng phải sáng tạo và ý chí phải quyết tâm. Chỉ khi mọi yếu tố, điều kiện cho phép người ta đạt được sáng tạo và xác định rõ quyết tâm thì NL của mỗi người mới thực sự được phát huy. Mọi nỗ lực, cố gắng trong nâng cao chất lượng ĐTĐH ở Việt Nam cần được bắt đầu bằng giải pháp nêu trên để tạo ra sự chuyển biến từ "chuyển giao tri thức" sang "phát triển NL" mà nội dung chính là xây dựng và củng cố ý chí, quyết tâm để thực hiện thành công các ý tưởng sáng tạo. Chỉ khi đó, ĐTĐH ở Việt Nam mới đáp ứng được yêu cầu của quá trình đổi mới, hội nhập, CNH-HĐH đất nước. Đó cũng là một trong những bước đi quyết định trong quá trình xây dựng TLĐT ở Việt Nam hôm nay.

GD-ĐT nói chung, ĐTĐH nói riêng có ý nghĩa quyết định sự phát triển kinh tế, chính trị - xã hội của đất nước. Sự phát triển của đất nước phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng nguồn nhân lực. Thực tế ĐTĐH ở Việt Nam cho thấy những khó khăn như đã nêu trên mang tính phổ quát và rất cần được thay đổi. Việc nhìn nhận theo xu hướng đánh giá khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể như trên là một cách tiếp cận thực tế để nhận diện đúng bản chất của đối tượng; từ đó có những bước đi và biện pháp phù hợp với khả năng và điều kiện cho phép. Trong các giải pháp đó, việc chuyển đổi từ quá trình "chuyển giao tri thức" sang quá trình "phát triển NL" thực sự là giải pháp mang tính quyết định để đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT nhằm phát triển nguồn nhân lực Việt Nam có chất lượng cao trong thời kỳ hiện nay. Chúng ta có quyền tin tưởng và kỳ vọng rằng GD-ĐT nói chung và ĐTĐH ở Việt Nam nói riêng sẽ có những chuyển biến nhanh chóng và mạnh mẽ, đáp ứng các yêu cầu của quá trình CNH-HĐH đất nước trong thời gian tới, tương xứng với tiềm năng và vị thế của mình.

D.V.S

(*TS., Trưởng khoa Văn hoá Du lịch, Trường ĐHVH HN*)

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết hội nghị lần thứ 8, khóa XI.*

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII.*

3. Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học .

4. Dương Văn Sáu (2014), *Hệ thống di tích Nho học Việt Nam và các Văn miếu tiêu biểu ở Bắc Bộ*, Nxb. Thông tin -Truyền thông, Hà Nội.

5. Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử - văn hóa Việt Nam, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang (1999), *Hiền tài là nguyên khí quốc gia,* Kỷ niệm lần thứ 500 năm mất của Thân Nhân Trung (1449 - 1999).

6. http://www.ussh.vnu.edu.vn: "Đại hội Đảng XII và định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực", bản tin 19/01/2016.

Ngày nhận bài: 21 - 5 - 2017

Ngày phản biện, đánh giá: 12 - 6 - 2017

Ngày chấp nhận đăng: 30 - 6 - 2017